

Số: 70 /2026/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 12 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15;

Căn cứ Luật Lưu trữ số 33/2024/QH15;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15;

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 117/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin số 01/2026/QH16;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 165/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu;

Căn cứ Nghị định số 194/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giao dịch điện tử về cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị định số 356/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân;

Căn cứ Nghị định số 331/2026/NĐ-CP của Chính phủ về bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin;

Căn cứ Nghị định số 337/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 05/2025/TT-BNV của Bộ Nội vụ quy định nghiệp vụ lưu trữ tài liệu lưu trữ số;

Căn cứ Thông tư số 126/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định chi tiết chi phí thực tế để in, sao, chụp và gửi thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật Tiếp cận thông tin số 01/2026/QH16;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 10 năm 2026.
2. Quyết định này thay thế các Quyết định dưới đây kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 của UBND tỉnh Sơn La ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La;

b) Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 17/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La;

c) Quyết định số 20/2023/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La ban hành Quy chế khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với các nhiệm vụ đã được phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo hồ sơ, hợp đồng và quy định tại thời điểm phê duyệt.

2. Việc điều chỉnh, gia hạn, nghiệm thu, bàn giao và lưu trữ thực hiện theo pháp luật hiện hành tại thời điểm điều chỉnh.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; các tổ chức, cá nhân có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp chế-Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VB và Tổ chức THPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKT - Thiện, 100b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Công



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La
(Ban hành kèm theo Quyết định số 70 /2026/QĐ-UBND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, Cơ sở dữ liệu về nông nghiệp; lâm nghiệp; chăn nuôi; thủy sản; thủy lợi; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo; phát triển nông thôn; đất đai; tài nguyên nước; môi trường; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ; viễn thám (sau đây gọi là thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường) trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Cơ chế phối hợp, kết nối, chia sẻ thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường giữa Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã).

3. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thu thập, quản lý, phối hợp, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La.

4. Quy chế này không điều chỉnh nội dung, quy trình và phương thức cung cấp đối với dữ liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước; việc tạo lập, lưu trữ, khai thác, sao chụp, vận chuyển, cung cấp và hủy thực hiện theo pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

5. Các nội dung không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường.
2. Ủy ban nhân dân cấp xã.
3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thu thập, quản lý, chia sẻ khai thác và sử dụng thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Thông tin dữ liệu nông nghiệp và môi trường

Thông tin, dữ liệu về nông nghiệp và môi trường phải là các thông tin, dữ liệu, hồ sơ, tài liệu được thu thập và lưu trữ theo đúng quy định. Thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường bao gồm các hồ sơ, tài liệu được quy định tại

Điều 4 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; Điều 3 và phụ lục kèm theo Thông tư số 02/2025/TT-BNNMT ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

Điều 4. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường

Việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường phải tuân theo các nguyên tắc sau đây:

1. Các nguyên tắc quy định tại Điều 4 Luật lưu trữ năm 2024, Điều 5 Luật Dữ liệu năm 2024, Điều 3 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025, Điều 5 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 và Điều 4 Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ Quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị.

2. Dữ liệu gốc được tạo lập có giá trị sử dụng như bản chính giấy tờ, tài liệu, các dạng vật chất khác được số hóa. Dữ liệu chủ phải có khả năng mở rộng, tích hợp, liên thông, truy xuất với dữ liệu chủ trong cơ sở dữ liệu quốc gia. Dữ liệu có trong các cơ sở dữ liệu được kết nối, chia sẻ thì không thu thập lại.

3. Thu thập dữ liệu, tài liệu là bản gốc, bản chính hoặc bản sao hợp pháp (trong trường hợp không còn bản gốc, bản chính) và phải bảo đảm đầy đủ tài liệu, có sự liên quan chặt chẽ và phản ánh đúng trình tự diễn biến của sự việc hoặc trình tự giải quyết công việc. Dữ liệu được thu thập phải bảo đảm việc xác thực và lưu trữ, bảo quản đáp ứng yêu cầu sử dụng lâu dài, thuận tiện.

4. Việc tiếp cận thông tin trong tài liệu lưu trữ tại lưu trữ hiện hành và cơ sở dữ liệu chuyên ngành thực hiện theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, tiếp cận thông tin và quy định kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị.

5. Việc xử lý dữ liệu cá nhân trong thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường phải tuân thủ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân và các văn bản hướng dẫn; bảo đảm đúng mục đích, phạm vi theo quy định.

Điều 5. Sự tham gia của các tổ chức, cá nhân

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 6. Kinh phí thu thập, xử lý, xây dựng, cập nhật, vận hành, tổ chức quản lý thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Kinh phí thu thập, xử lý, xây dựng, cập nhật, vận hành, tổ chức quản lý thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường, xây dựng, cập nhật, vận hành

Cơ sở dữ liệu về nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh do ngân sách Nhà nước cấp tỉnh cấp, được phân bổ từ nguồn kinh phí sự nghiệp nông nghiệp và môi trường; nguồn vốn thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW hằng năm và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

2. Hằng năm, Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với các đơn vị có liên quan lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu thập, xử lý, xây dựng, cập nhật, vận hành thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Thông tin, dữ liệu chia sẻ giữa các cơ quan nhà nước là không thu phí, trừ trường hợp khai thác, sử dụng dữ liệu thuộc danh mục được quy định trong Luật Phí và lệ phí.

4. Phí khai thác và sử dụng thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường thực hiện theo quy định pháp luật về phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Chương II

THU THẬP THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 7. Lập, phê duyệt kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường và thu thập, cập nhật danh mục thông tin, dữ liệu, dữ liệu đặc tả thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Việc lập kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường và thu thập, cập nhật danh mục thông tin, dữ liệu, dữ liệu đặc tả thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và phải bảo đảm phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; thông tin, dữ liệu, tài liệu lưu trữ được thu nhận chính xác, đầy đủ, có hệ thống, tài liệu lưu trữ giấy và tài liệu lưu trữ điện tử có nội dung trùng nhau thì phải thu nhận cả hai loại; phải lồng ghép với các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ và không trùng lặp, chồng chéo nhiệm vụ; bảo đảm hiệu quả, khả thi, tiết kiệm kinh phí, nguồn lực.

2. Các Sở, ban, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao xác định thông tin, dữ liệu cần thu thập, cập nhật, xây dựng kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu và danh mục dữ liệu đặc tả gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, lập kế hoạch theo quy chế này.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì tổng hợp đề xuất của các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và của đơn vị để xây dựng kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường và thu thập, cập nhật danh mục thông tin, dữ liệu, dữ liệu đặc tả thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường theo quy định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 8. Thực hiện kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường và thu thập, cập nhật danh mục thông tin, dữ liệu, dữ liệu đặc tả thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường triển khai thực hiện kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường và thu thập, cập nhật danh mục dữ liệu đặc tả thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường.

2. Việc thực hiện kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường và thu thập, cập nhật danh mục thông tin, dữ liệu, dữ liệu đặc tả thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường phải tuân thủ đúng các quy định, quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường, nội dung phải phù hợp, chính xác, kịp thời, hiệu quả; ưu tiên mục tiêu sử dụng dài hạn, ưu tiên dữ liệu có thể dùng cho nhiều mục đích sử dụng khác nhau. Thu thập, cập nhật dữ liệu đặc tả về thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường (theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT) được thực hiện tại các cơ quan, tổ chức đang lưu trữ, bảo quản

Trong quá trình thực hiện việc thu thập, xử lý thông tin, dữ liệu, Sở Nông nghiệp và Môi trường, các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã phải phối hợp chặt chẽ, thường xuyên thông báo, trao đổi, bảo đảm nhiệm vụ được thực hiện nhanh chóng, chính xác, hiệu quả, tiết kiệm.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo thực hiện việc tiếp nhận, xử lý, số hóa thông tin, dữ liệu thu thập được và các thông tin, dữ liệu khác từ ngành nông nghiệp và môi trường, các Sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã để tổng hợp danh mục dữ liệu nông nghiệp và môi trường cấp tỉnh theo quy định. Xây dựng, cập nhật danh mục, thông tin mô tả để phục vụ công bố, tra cứu, cung cấp.

4. Việc thu thập thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường được thực hiện trong quá trình hoạt động của các cơ quan, đơn vị có liên quan từ kết quả thực hiện thủ tục hành chính, số hóa, dữ liệu điện tử hoặc do các tổ chức, cá nhân có liên quan giao nộp. Các thông tin, dữ liệu được thu thập phải đảm bảo chính xác, có tính kế thừa; bảo đảm tính toàn vẹn, tin cậy, an ninh, an toàn. Việc thu thập, tiếp nhận thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 29, điều 30 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT.

5. Việc thu thập thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường thuộc danh mục tài liệu bí mật nhà nước phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về

bảo vệ bí mật nhà nước. Dữ liệu được thu thập, tạo lập từ các nguồn bao gồm: Trực tiếp tạo lập; số hóa giấy tờ, tài liệu và các dạng vật chất khác.

Điều 9. Hình thức thu nhận thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Tiếp nhận thông tin, dữ liệu, tài liệu nông nghiệp và môi trường nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận, lưu trữ thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc mạng điện tử.
2. Thu thập thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường.
3. Việc thu thập thông tin, Cơ sở dữ liệu được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 10. Giao nộp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường được thu nhận, tạo lập bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước thực hiện giao nộp cho các cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường theo quy định của pháp luật.
2. Các phòng, chi cục, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao có tạo ra các kết quả là thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường có trách nhiệm giao nộp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua bộ phận lưu trữ) một (01) bộ dữ liệu dạng giấy hoặc một (01) bộ dữ liệu đã được số hóa (nếu có) thông qua môi trường điện tử hoặc dạng số lưu trên các vật mang tin, thiết bị lưu trữ vật lý. Trường hợp một tài liệu đồng thời được tạo lập trên giấy, trên vật mang tin khác hoặc ở dạng thông điệp dữ liệu thì thu nộp tất cả các loại.
3. Thông tin, dữ liệu giao nộp phải tuân thủ nguyên tắc tại khoản 3 Điều 4 Quy chế này và phải bảo đảm chất lượng dữ liệu, bảo đảm tính chính xác, hợp lệ, toàn vẹn, đầy đủ, thống nhất của dữ liệu.
4. Yêu cầu hồ sơ, tài liệu và thời hạn, giao nộp
 - a) Người được giao xử lý công việc có trách nhiệm lập hồ sơ công việc theo quy định của pháp luật về văn thư; nộp hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ hiện hành đúng yêu cầu và thời hạn theo quy định hiện hành;
 - b) Thời hạn nộp hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ hiện hành tối đa là 01 năm, tính từ năm kết thúc công việc. Dữ liệu giao nộp phải có nguồn gốc rõ ràng, được hình thành hợp pháp trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân giao nộp theo quy định của pháp luật về văn thư, lưu trữ.
 - c) Các phòng, chi cục, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao có tạo ra các kết quả là thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường có trách nhiệm giao nộp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua bộ phận lưu trữ) theo quy định tại điểm b khoản này.

Chương III

TỔ CHỨC QUẢN LÝ THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 11. Bảo quản, lưu trữ và tu bổ thông tin và cập nhật Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Công tác bảo quản, lưu trữ và tu bổ thực hiện theo quy định của Luật Lưu trữ và các văn bản hướng dẫn nhằm tạo ra các điều kiện tốt nhất để bảo đảm an toàn và kéo dài tuổi thọ cho tài liệu, nhằm phục vụ được tốt các yêu cầu khai thác, sử dụng tài liệu.

2. Tất cả các thông tin, dữ liệu về nông nghiệp và môi trường phải được phân loại kịp thời, đánh giá, xử lý về mặt vật lý, hóa học và chuẩn hóa, số hóa để lưu trữ, bảo quản trong các kho lưu trữ theo quy định của Luật Lưu trữ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo thực hiện thu thập, lưu trữ, cập nhật, sao lưu thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh. Thực hiện tu bổ, phục chế tài liệu lưu trữ theo quy định.

4. Các phòng, chi cục, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường được giao thực hiện nhiệm vụ xây dựng, vận hành, cập nhật, sử dụng thông tin, Cơ sở dữ liệu có trách nhiệm cập nhật dữ liệu và cung cấp thông tin, dữ liệu cho bộ phận lưu trữ, để lưu trữ theo quy định.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quản lý, cập nhật thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn mình quản lý theo phân cấp.

Điều 12. Kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường sau khi thu thập, cập nhật phải được phân loại, tổng hợp, xử lý và đánh giá khả năng khai thác, sử dụng. Việc kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, Cơ sở dữ liệu tuân thủ theo các quy định, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phê duyệt và quy định của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, Cơ sở dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp, đầy đủ của dữ liệu nông nghiệp và môi trường cấp tỉnh do Sở tạo lập và quản lý.

3. Các sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu nông nghiệp và môi trường do mình quản lý.

4. UBND cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý và chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, tính chính xác của dữ liệu nông nghiệp và môi trường cấp xã.

Điều 13. Xây dựng cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường tỉnh là tập hợp toàn bộ các thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh đã được thu thập,

kiểm tra, đánh giá, một cách có hệ thống, được xây dựng, cập nhật và duy trì phục vụ quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo và nâng cao dân trí do Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng, lưu trữ, quản lý trên cơ sở tích hợp thông tin, dữ liệu do các cơ quan, đơn vị quản lý, cung cấp hoặc được phân quyền khai thác, cập nhật từ các cơ sở dữ liệu quốc gia chuyên ngành.

2. Việc tạo lập dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường phải sử dụng thống nhất bảng mã danh mục dùng chung do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành, thống nhất với dữ liệu chủ trong cơ sở dữ liệu quốc gia.

3. Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường tỉnh được xây dựng phải đáp ứng khung cơ sở dữ liệu, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin và chuyên ngành, phù hợp với khung kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Nông nghiệp và Môi trường, kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Sơn La và được tích hợp vào kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

4. Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường được xây dựng và kết nối, chia sẻ trên môi trường điện tử phục vụ quản lý, khai thác, cung cấp, sử dụng thông tin, cơ sở dữ liệu đơn giản, thuận tiện, hiệu quả.

5. Việc xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành cụ thể thực hiện theo quy định của pháp luật đối với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Điều 14. Thiết lập, vận hành, cập nhật, sao lưu thông tin, Cơ sở dữ liệu

Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

1. Thiết lập, thu thập, số hóa, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu ban đầu cho hệ thống cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường cấp tỉnh, hướng dẫn cho các đơn vị có liên quan vận hành, cập nhật thông tin cho hệ thống làm cơ sở phục vụ các tổ chức, cá nhân khai thác cơ sở dữ liệu theo đúng mô hình triển khai đã được phê duyệt, hướng dẫn các đơn vị có liên quan đưa hệ thống vào vận hành khai thác; kiểm soát, vận hành thông tin, dữ liệu qua thu thập, tạo lập đảm bảo quy định.

2. Kết nối, đồng bộ dữ liệu lên các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành do Bộ, ngành chủ quản theo đúng lộ trình. Chủ động kết nối, chia sẻ dữ liệu thông qua các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu phù hợp với mô hình kiến trúc chính phủ số trước khi đồng bộ lên các cơ sở dữ liệu quốc gia chuyên ngành hoặc chia sẻ cho các sở, ngành, địa phương khác khi có yêu cầu hợp pháp. Trường hợp nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh chưa sẵn sàng hoặc chưa đáp ứng yêu cầu kết nối theo quy định thì được kết nối trực tiếp hoặc qua nền tảng quốc gia khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

3. Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí đảm bảo việc duy trì, quản lý, vận hành, cập nhật thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường;

4. Thường xuyên, liên tục, định kỳ cập nhật nội dung Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường. Dữ liệu được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu phải đảm bảo yêu cầu sau:

a) Tất cả các dữ liệu trước khi được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường phải được kiểm tra, đánh giá, xử lý theo quy định và cập nhật thông qua các phần mềm chuyên dụng;

b) Tùy theo loại dữ liệu, cấp độ dữ liệu, hình thức, đặc điểm, tính chất của dữ liệu, mức độ xử lý và cấp độ phổ biến để cập nhật các dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường cho hợp lý, khoa học, bảo đảm chính xác, thuận tiện và hiệu quả trong quản lý, khai thác và sử dụng, bảo đảm yêu cầu bảo mật, an toàn dữ liệu;

c) Đối với tài liệu lưu trữ điện tử: Thực hiện theo quy định tại Chương III, phần II, Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28/02/2022 và các quy định về lưu trữ tài liệu lưu trữ số.

5. Thực hiện kiểm duyệt các thông tin được cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu và đảm bảo lưu vết (log) hệ thống của toàn bộ các quá trình cập nhật dữ liệu vào hệ thống cơ sở dữ liệu theo quy định; tính chính xác, độ tin cậy của các thông tin được lưu trữ, khai thác và sử dụng trong cơ sở dữ liệu.

6. Xây dựng và thực hiện các giải pháp về sao lưu, dự phòng bảo đảm tính nguyên vẹn, an toàn của cơ sở dữ liệu theo quy định. Trường hợp thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường hư hỏng, bị phá hủy do các hành vi trái phép phải có cơ chế bảo đảm phục hồi được thông tin, cơ sở dữ liệu.

Điều 15. Bảo đảm an ninh mạng và bảo mật thông tin dữ liệu

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm bảo đảm an ninh mạng và bảo mật thông tin, dữ liệu; có các biện pháp tổ chức, quản lý vận hành, nghiệp vụ, kỹ thuật nhằm bảo đảm an ninh mạng và bảo mật thông tin, dữ liệu đối với hệ thống lưu trữ thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường theo quy định của pháp luật về an ninh thông tin mạng.

2. Hệ thống thông tin phục vụ quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường phải được xác định cấp độ, đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an ninh mạng và triển khai đầy đủ biện pháp bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ được phê duyệt.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh mạng và bảo mật thông tin, dữ liệu; tham mưu thực hiện kiểm tra, đánh giá an ninh mạng, cơ sở dữ liệu và các biện pháp phù hợp để bảo đảm an toàn thông tin, dữ liệu theo quy định. Theo dõi, giám sát việc phân quyền truy cập dữ liệu, sử dụng các chức năng của hệ thống phần mềm cho các cơ quan đơn vị và các cá nhân, tổ chức có liên quan theo chức năng nhiệm vụ và quy định của pháp luật và sử dụng thông tin, dữ liệu đã thu thập đúng mục đích, đúng phạm vi.

4. Việc in, sao, chụp, vận chuyển, giao nhận, truyền dữ liệu, tài liệu, lưu giữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu từ cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường thuộc phạm vi bí mật nhà nước phải tuân theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 16. Quản lý tài liệu lưu trữ điện tử về nông nghiệp và môi trường

Việc quản lý tài liệu lưu trữ điện tử về nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định tại Chương III Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT và Điều 26, Điều 27, Điều 28 Thông tư số 05/2025/TT-BNV ngày 14/5/2025 của Bộ Nội vụ.

Điều 17. Thời hạn lưu giữ, bảo quản dữ liệu

1. Thời hạn lưu giữ, bảo quản thông tin, dữ liệu được xác lập đối với từng loại thông tin, dữ liệu theo quy định tại Thông tư số 02/2025/TT-BNNMT và các quy định khác của pháp luật hiện hành về lưu trữ.

2. Cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu có trách nhiệm thống kê các loại thông tin, dữ liệu hết thời hạn lưu trữ hoặc trùng lặp trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết tiêu hủy thông tin, dữ liệu. Việc tiêu hủy thông tin, dữ liệu hết thời hạn lưu trữ hoặc trùng lặp được thực hiện theo quy định của Luật Lưu trữ số 33/2024/QH15 và các quy định chuyên ngành.

Chương IV

KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 18. Công bố danh mục thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Danh mục thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh và Trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường, nhằm phục vụ cho cộng đồng và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Việc công bố danh mục thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường phải tuân thủ theo các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường và theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh mục thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh phục vụ tra cứu, cung cấp, khai thác, chia sẻ và sử dụng theo quy định.

Điều 19. Hình thức khai thác, sử dụng thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường

Việc khai thác và sử dụng thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường thực hiện theo các hình thức sau đây:

1. Khai thác và sử dụng thông tin, Cơ sở dữ liệu qua Trang Thông tin điện tử, Cổng thông tin điện tử hoặc kết nối, truy nhập, chia sẻ thông tin với cơ sở dữ

liệu nông nghiệp và môi trường của cơ quan quản lý, cung cấp thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường.

2. Khai thác và sử dụng thông tin, Cơ sở dữ liệu thông qua văn bản yêu cầu cung cấp thông tin.

3. Khai thác và sử dụng thông tin, Cơ sở dữ liệu bằng hình thức hợp đồng giữa đơn vị quản lý thông tin, Cơ sở dữ liệu và bên khai thác, sử dụng thông tin, cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

4. Đối với hồ sơ, dữ liệu đất đai: Ngoài việc khai thác và sử dụng thông tin, cơ sở dữ liệu bằng phiếu, văn bản yêu cầu hoặc hợp đồng, có thể thực hiện tra cứu trực tuyến thông tin đất đai qua môi trường mạng (khi hệ thống thông tin đất đai cấp tỉnh đáp ứng nhu cầu khai thác dữ liệu).

5. Các cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ khi tham gia khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường được phân quyền và cấp tài khoản cho người sử dụng (theo văn bản đề nghị của đơn vị sử dụng hệ thống) để truy cập vào hệ thống cơ sở dữ liệu, mỗi cá nhân được cấp không quá một tài khoản để đăng nhập và sử dụng tùy theo chức năng, nhiệm vụ và mục đích sử dụng.

6. Người dùng có trách nhiệm bảo quản tài khoản theo các quy định về an toàn, an ninh thông tin, trường hợp làm mất tài khoản làm xảy ra thiệt hại liên quan đến cơ sở dữ liệu, người được giao sử dụng tài khoản đó phải chịu hoàn toàn trách nhiệm. Tài khoản bị khóa khi không sử dụng quá một tháng; không đổi mật khẩu trong vòng một tuần kể từ ngày được cấp; sử dụng mật khẩu yếu, bị lộ, mất an toàn hoặc chuyển công tác.

7. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân chỉ sử dụng hệ thống Cơ sở dữ liệu, truy xuất dữ liệu từ hệ thống cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường trong phạm vi cho phép; chỉ được phép khai thác và sử dụng dữ liệu nông nghiệp và môi trường vào các mục đích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Khai thác và sử dụng thông tin, Cơ sở dữ liệu qua môi trường số

1. Dữ liệu thuộc danh mục dữ liệu mở ngành nông nghiệp và môi trường tỉnh Sơn La: Tổ chức, cá nhân được tự do truy cập, khai thác, sử dụng, tái sử dụng thông tin, cơ sở dữ liệu mở được công bố theo quy định.

2. Thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường thuộc danh mục phải công khai theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin và pháp luật chuyên ngành: Cơ quan cung cấp thông tin, Cơ sở dữ liệu có trách nhiệm công khai trên Trang thông tin hoặc Cổng thông tin điện tử theo đúng hình thức, thời điểm pháp luật quy định (trừ các thông tin, dữ liệu đã thuộc danh mục dữ liệu mở); tổ chức, cá nhân được tự do tiếp cận thông tin đã công khai.

3. Việc khai thác trực tuyến từ hệ thống thông tin chuyên ngành mà pháp luật chuyên ngành có quy định phải đăng ký tài khoản thì tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký và được cơ quan cung cấp thông tin, Cơ sở dữ liệu phân quyền truy cập, khai thác theo quy định; tổ chức, cá nhân được cấp quyền truy cập có trách

nhiệm truy cập đúng địa chỉ, mã khóa đã được cấp, không được làm lộ địa chỉ, mã khóa truy cập. Đối với các trường hợp khác, việc tiếp cận thông tin thực hiện theo quy định tại Điều 21 Quy chế này và pháp luật về tiếp cận thông tin.

4. Cơ quan cung cấp thông tin, Cơ sở dữ liệu có trách nhiệm:

a) Tuân thủ các nguyên tắc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu quy định tại Điều 4 Quy chế này.

b) Bảo đảm cho tổ chức, cá nhân truy cập thuận tiện; có công cụ tìm kiếm thông tin, cơ sở dữ liệu dễ sử dụng và cho kết quả đúng nội dung cần tìm kiếm;

c) Bảo đảm khuôn dạng thông tin, Cơ sở dữ liệu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định để dễ dàng tải xuống, hiển thị nhanh chóng và in ấn bằng các phương tiện điện tử phổ biến. Thông báo việc lưu trữ, sử dụng thông tin, Cơ sở dữ liệu khi cung cấp cho các tổ chức, cá nhân theo yêu cầu, trừ trường hợp thuộc bí mật nhà nước;

d) Thực hiện đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân theo quy định của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân và các văn bản hướng dẫn thi hành, trừ các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 21 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân;

đ) Thực hiện cung cấp dữ liệu cho cơ quan nhà nước khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền mà không cần chủ thể dữ liệu đồng ý trong các trường hợp: Ứng phó với tình trạng khẩn cấp; khi có nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia nhưng chưa đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp; thảm họa; phòng, chống bạo loạn, khủng bố và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

5. Không thực hiện cung cấp thông tin, dữ liệu trong các trường hợp:

a) Yêu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu không phù hợp với quy định của pháp luật; thuộc phạm vi bí mật nhà nước; những thông tin, dữ liệu gây nguy hại đến lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội mà pháp luật quy định;

b) Các thông tin thuộc bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình mà không có văn bản đồng ý của cá nhân, tổ chức liên quan, trừ các trường hợp được cung cấp theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Tiếp cận thông tin;

c) Không thực hiện nghĩa vụ tài chính (đối với các trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định) và chi phí thực tế in, sao, chụp, gửi thông tin.

6. Trường hợp tạm ngừng cung cấp thông tin, Cơ sở dữ liệu, dịch vụ có liên quan trên môi trường mạng, cơ quan cung cấp thông tin, Cơ sở dữ liệu có trách nhiệm:

a) Thông báo công khai chậm nhất là 07 ngày làm việc trước khi chủ động tạm ngừng cung cấp thông tin, cơ sở dữ liệu, dịch vụ có liên quan trên mạng để sửa chữa, khắc phục các sự cố hoặc nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng thông tin; nội dung thông báo phải nêu rõ khoảng thời gian dự kiến phục hồi các hoạt động

cung cấp thông tin, Cơ sở dữ liệu, dịch vụ có liên quan trên môi trường mạng, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Tiến hành các biện pháp khắc phục sự cố.

Điều 21. Khai thác và sử dụng thông tin, cơ sở dữ liệu qua văn bản yêu cầu cung cấp thông tin, Cơ sở dữ liệu

1. Việc khai thác và sử dụng thông tin, Cơ sở dữ liệu theo hình thức văn bản yêu cầu được thực hiện theo quy định sau:

a) Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng thông tin, Cơ sở dữ liệu căn cứ danh mục thông tin, cơ sở dữ liệu hiện có, gửi yêu cầu cung cấp thông tin (theo quy định tại Nghị định số 73/2017/NĐ-CP và Nghị định số 337/2026/NĐ-CP ngày 26/8/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin) nộp trực tiếp, qua bưu điện hoặc trên môi trường mạng điện tử cho các đơn vị quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu.

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc đối với thông tin, dữ liệu đơn giản; 10 ngày đối với thông tin, dữ liệu phức tạp, cơ quan quản lý thông tin, Cơ sở dữ liệu tiếp nhận kiểm tra yêu cầu cung cấp thông tin, thông báo nghĩa vụ tài chính (trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính) cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp từ chối cung cấp thông tin, Cơ sở dữ liệu thì phải nêu rõ lý do và trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết.

c) Sau khi tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính, cơ quan quản lý thông tin, Cơ sở dữ liệu có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin, Cơ sở dữ liệu cho các tổ chức, cá nhân trong thời gian không quá 01 ngày làm việc.

2. Đối với các phòng, chi cục, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường có nhu cầu khai thác và sử dụng hồ sơ, tài liệu lưu trữ để phục vụ nhiệm vụ chuyên môn của cơ quan, đơn vị hoặc theo yêu cầu của các cơ quan liên quan phải có phiếu yêu cầu cung cấp thông tin (theo quy định tại Nghị định số 73/2017/NĐ-CP). hoặc văn bản yêu cầu và ghi rõ danh mục hồ sơ, tài liệu cần khai thác; mục đích khai thác, sử dụng hồ sơ, tài liệu kèm theo văn bản chỉ đạo, giao thực hiện nhiệm vụ liên quan đến tài liệu khai thác, văn bản được gửi trực tiếp về bộ phận làm công tác lưu trữ hiện hành.

3. Đối với các tổ chức, cá nhân bên ngoài có nhu cầu khai thác và sử dụng thông tin, Cơ sở dữ liệu

a) Phiếu yêu cầu của cơ quan, tổ chức phải có chữ ký của thủ trưởng cơ quan và đóng dấu xác nhận, của cá nhân phải ghi rõ họ tên, địa chỉ và chữ ký của người yêu cầu cung cấp thông tin, Cơ sở dữ liệu;

b) Trong thời hạn theo điểm b khoản 1 Điều này, cơ quan quản lý thông tin, Cơ sở dữ liệu tiếp nhận kiểm tra văn bản yêu cầu cung cấp thông tin, thông báo nghĩa vụ tài chính (trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính) cho tổ

chức, cá nhân. Trường hợp từ chối cung cấp thông tin, Cơ sở dữ liệu thì phải nêu rõ lý do và trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết;

c) Sau khi tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính, cơ quan quản lý thông tin, Cơ sở dữ liệu có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin, Cơ sở dữ liệu cho các tổ chức, cá nhân trong thời gian không quá 01 ngày làm việc;

d) Trường hợp người có nhu cầu khai thác và sử dụng thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường là cá nhân nước ngoài tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP;

đ) Trường hợp đặc biệt cung cấp thông tin, dữ liệu phục vụ cho các mục đích quốc phòng và an ninh, phục vụ yêu cầu trực tiếp của lãnh đạo Đảng và Nhà nước, phục vụ yêu cầu của các đoàn thanh tra, kiểm tra, kiểm toán đến làm việc tại Sở hoặc trong tình trạng khẩn cấp. Các đơn vị quản lý tài liệu lưu trữ về nông nghiệp và môi trường có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo chỉ đạo của Thủ trưởng cơ quan.

Điều 22. Khai thác và sử dụng thông tin, Cơ sở dữ liệu bằng hình thức hợp đồng

Việc khai thác, sử dụng thông tin, Cơ sở dữ liệu bằng hình thức hợp đồng thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự giữa cơ quan quản lý thông tin, Cơ sở dữ liệu và tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin, Cơ sở dữ liệu (theo quy định tại Nghị định số 73/2017/NĐ-CP).

Chương V

KẾT NỐI, CHIA SẺ THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ

Điều 23. Nguyên tắc kết nối, chia sẻ thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường giữa các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã

Kết nối, chia sẻ thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường giữa các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã; giữa các cơ quan quản lý thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường và giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan trên nguyên tắc:

1. Kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Bảo đảm việc tiếp cận thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường phục vụ kịp thời cho việc đánh giá, dự báo, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch, tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

3. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu phải bảo đảm được thực hiện thông suốt, kịp thời, đầy đủ, đúng mục đích; bảo đảm an toàn, bảo mật và đúng phạm vi,

chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; phục vụ hiệu quả hoạt động cung cấp dịch vụ công, quản trị, điều hành và khai thác giá trị của dữ liệu.

Điều 24. Phối hợp kết nối, chia sẻ thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, và Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thực hiện kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường và phải phù hợp với quy định tại Nghị định số 194/2025/NĐ-CP, Nghị định số 278/2025/NĐ-CP; phù hợp với mô hình kiến trúc Chính phủ số của tỉnh; hướng dẫn thực hiện kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường điện tử.

2. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi quản lý liên quan đến thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường có trách nhiệm kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu đến cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường theo quy định của pháp luật.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG VIỆC THU THẬP, QUẢN LÝ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 25. Trách nhiệm quản lý nhà nước về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Thống nhất quản lý nhà nước về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường của tỉnh; tổ chức, chỉ đạo các cơ quan quản lý thực hiện thu thập, quản lý, lưu trữ, xây dựng, cập nhật, cung cấp và sử dụng nguồn thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh theo quy định;

b) Thực hiện các quy định tại Điều 27 Nghị định 73/2017/NĐ-CP và Điều 53 Thông tư 03/2022/TT-BTNMT.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Có trách nhiệm quản lý việc thu thập, quản lý, xây dựng, cập nhật, khai thác và sử dụng nguồn thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh:

a) Hằng năm, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã lập, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường và thu thập, cập nhật danh mục thông tin, dữ liệu, dữ liệu đặc tả thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo, tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch sau khi được

phê duyệt; tổ chức thực hiện thu thập, đánh giá, quản lý, lưu trữ, công bố, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường;

b) Tổ chức xây dựng, cập nhật, quản lý, vận hành, chia sẻ cơ sở dữ liệu trên môi trường điện tử và tổng hợp tình hình xây dựng, cập nhật, vận hành và khai thác Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường tỉnh. Tiếp nhận, xử lý dữ liệu nông nghiệp và môi trường; tổ chức quản lý, lưu trữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu; tích hợp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường;

c) Thực hiện cấp, theo dõi tài khoản truy cập của các cơ quan, đơn vị có chức năng quản lý, cập nhật Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường; khóa và xử lý người được cấp tài khoản nếu vi phạm;

d) Xây dựng, tổng hợp danh mục thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường của tỉnh; tổ chức công bố công khai danh mục dữ liệu trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường; thực hiện công bố danh mục dữ liệu mở và tổ chức cung cấp, cập nhật dữ liệu mở lên Cổng dữ liệu mở của tỉnh (Open Data) để phục vụ người dân, doanh nghiệp và cộng đồng khoa học khai thác, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo;

đ) Cung cấp thông tin, Cơ sở dữ liệu về nông nghiệp và môi trường cho các tổ chức, cá nhân theo quy định; ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân về thu thập, tổng hợp, xử lý, lưu trữ và khai thác thông tin, Cơ sở dữ liệu về nông nghiệp và môi trường; thu phí khai thác, sử dụng thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường cấp tỉnh theo quy định;

e) Hướng dẫn, kiểm tra, xem xét, đề xuất xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân về công tác thu thập, quản lý, cung cấp, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh;

g) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này; hằng năm hoặc đột xuất báo cáo UBND tỉnh. Định kỳ hằng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan đơn vị có liên quan tổng hợp, thẩm định dự toán; tham mưu, báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện hằng năm phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách tỉnh và quy định của pháp luật; hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo quy định.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Hướng dẫn việc thực hiện pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường;

hỗ trợ Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc thực hiện tích hợp Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường vào kho dữ liệu dùng chung của tỉnh;

b) Chủ trì hướng dẫn, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường kết nối, tích hợp cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh, Kho dữ liệu dùng chung và Cổng dữ liệu mở của tỉnh theo quy định.

5. Các Sở, ban, ngành của tỉnh trong phạm vi quản lý liên quan đến thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức, triển khai thực hiện kế hoạch hằng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức thực hiện thu thập, tạo lập, cập nhật, chuẩn hóa và quản lý thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường chuyên ngành; chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, kịp thời của dữ liệu do mình quản lý; đánh giá, kiểm tra, nghiệm thu thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường đã được điều tra, thu thập; tổ chức kết nối, tích hợp, đồng bộ dữ liệu thuộc phạm vi quản lý với Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường của tỉnh theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và lộ trình được cơ quan có thẩm quyền quyết định;

c) Lưu trữ, bảo quản xây dựng, vận hành, cập nhật Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường thuộc phạm vi quản lý; phục vụ quản lý, cung cấp, chia sẻ, sử dụng; bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin, dữ liệu, phân quyền truy cập và không làm gián đoạn hoạt động quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu;

d) Cung cấp thông tin, dữ liệu cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường theo quy định của pháp luật;

đ) Gửi thông báo tới Sở Nông nghiệp và Môi trường về danh mục dữ liệu đặc tả thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường do đơn vị quản lý (theo quy định tại Nghị định số 73/2017/NĐ-CP);

e) Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm gửi báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thu thập, cung cấp thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường, theo quy định tại Nghị định số 73/2017/NĐ-CP).

6. Công an tỉnh

a) Phối hợp kết nối, chia sẻ thông tin giữa các Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường Sơn La với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (nếu cần) theo quy định;

b) Phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai bảo vệ hệ thống Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường Sơn La, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin theo quy định.

7. Các Đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp được giao quản lý, vận hành hoặc tham gia xây dựng Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường

a) Quản lý, vận hành, bảo trì, cập nhật Cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin được giao theo hợp đồng, nhiệm vụ hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền; bảo đảm an toàn, bảo mật, tính liên tục và chất lượng dữ liệu;

b) Không tự ý khai thác, chia sẻ, chuyển giao, sao chép hoặc sử dụng dữ liệu ngoài phạm vi được giao; thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp nhật ký truy cập, nhật ký xử lý dữ liệu theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

8. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh; lập và tổ chức thực hiện kế hoạch thu nhận, lưu trữ, bảo quản, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn mình;

b) Tổ chức, quản lý thông tin, dữ liệu phục vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường theo thẩm quyền; bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin, dữ liệu thuộc cấp mình quản lý. Thực hiện cập nhật, chỉnh lý biến động dữ liệu nông nghiệp và môi trường vào hệ thống dùng chung ngay khi phát sinh sự kiện pháp lý hoặc thực tế. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu đầu vào do mình cập nhật;

c) Tổng hợp danh mục thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường, công bố trên Trang/Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã. Trước ngày 30 tháng 11 hằng năm gửi danh mục và thông tin mô tả (cập nhật theo năm) về thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường về Sở nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp chung;

d) Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm gửi báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thu thập, cung cấp thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường, theo quy định tại Nghị định số 73/2017/NĐ-CP).

Điều 26. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thu thập, tiếp nhận, cung cấp thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường

Tổ chức, cá nhân thu thập, tiếp nhận, cung cấp thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường có trách nhiệm:

1. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong việc thu thập và giao nộp thông tin, Cơ sở dữ liệu. Bảo đảm tính trung thực, chính xác của thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường. Sử dụng thông tin, Cơ sở dữ liệu đúng mục đích.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện thu thập thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

3. Thống kê các loại thông tin, dữ liệu, tài liệu hết thời hạn lưu trữ, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định tiêu hủy theo quy định. Việc tiêu

hủy thông tin, dữ liệu, tài liệu giấy hết thời hạn lưu trữ hoặc trùng lặp và danh mục tài liệu lưu trữ số hết giá trị phải thực hiện đúng quy trình quy định của Luật Lưu trữ và các quy định chuyên ngành.

4. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm gửi báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thu thập, cung cấp thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường, theo quy định tại Nghị định số 73/2017/NĐ-CP).

5. Tổ chức tiếp nhận thông tin, dữ liệu phải bảo đảm an ninh, an toàn dữ liệu, bảo vệ dữ liệu, lợi ích hợp pháp khác của chủ thể dữ liệu, tổ chức, cá nhân cung cấp dữ liệu theo quy định của pháp luật; hủy dữ liệu ngay khi dữ liệu đó không còn cần thiết cho mục đích đã yêu cầu và thông báo cho chủ thể dữ liệu, tổ chức, cá nhân đã cung cấp dữ liệu.

Điều 27. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường

Tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường (trừ dữ liệu mở và thông tin được phép chia sẻ theo quy định của pháp luật) có trách nhiệm và quyền hạn sau đây:

1. Tuân thủ các nguyên tắc khai thác và sử dụng thông tin, Cơ sở dữ liệu quy định tại Điều 4 Quy chế này.

2. Không được chuyển thông tin, Cơ sở dữ liệu cho bên thứ ba sử dụng trừ trường hợp được thỏa thuận trong hợp đồng với cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, Cơ sở dữ liệu và bên thứ ba phải thực hiện các cam kết, thỏa thuận về khai thác, sử dụng dữ liệu theo yêu cầu của cơ quan quản lý thông tin, Cơ sở dữ liệu.

3. Không được làm sai lệch thông tin, Cơ sở dữ liệu đã được cung cấp để sử dụng.

4. Trả kinh phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu theo quy định pháp luật hiện hành.

5. Tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

6. Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý thông tin, Cơ sở dữ liệu về những sai sót của thông tin, Cơ sở dữ liệu đã cung cấp.

7. Được khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật khi bị vi phạm quyền khai thác, sử dụng thông tin, Cơ sở dữ liệu của mình.

8. Được bồi thường theo quy định của pháp luật khi bên cung cấp thông tin, Cơ sở dữ liệu cung cấp thông tin, Cơ sở dữ liệu không chính xác gây thiệt hại cho mình.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.